

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

**Năm 2024: Các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam nỗ lực giữ thị phần  
tại thị trường Trung Quốc**

**Hà Nội, 2024**

## **I. Tổng quan về quan hệ thương mại Việt Nam – Trung Quốc**

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc là một trong những mối quan hệ kinh tế quan trọng trong khu vực. Là hai quốc gia láng giềng với vị trí địa lý thuận lợi, Việt Nam và Trung Quốc đã xây dựng một nền tảng hợp tác thương mại vững chắc qua nhiều thập kỷ, dựa trên sự kết nối sâu rộng về chuỗi cung ứng, hạ tầng giao thông, và các cơ chế hợp tác song phương. Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, đồng thời là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam, chỉ sau Hoa Kỳ, với kim ngạch thương mại hai chiều duy trì mức cao, thường xuyên vượt mốc 100 tỷ USD/năm.

Về xuất khẩu, Việt Nam chủ yếu cung cấp cho Trung Quốc các mặt hàng nông sản, thủy sản, điện thoại và linh kiện điện tử, dệt may, cùng một số sản phẩm chế biến chế tạo khác. Ngược lại, Trung Quốc là nguồn cung cấp nguyên liệu lớn cho Việt Nam, đặc biệt trong các lĩnh vực như máy móc, thiết bị, linh kiện điện tử, nguyên phụ liệu dệt may, da giày và hóa chất. Cơ cấu này phản ánh sự gắn kết chặt chẽ trong chuỗi giá trị khu vực, trong đó Việt Nam đóng vai trò như một trung tâm sản xuất và gia công, trong khi Trung Quốc là nguồn cung cấp đầu vào quan trọng.

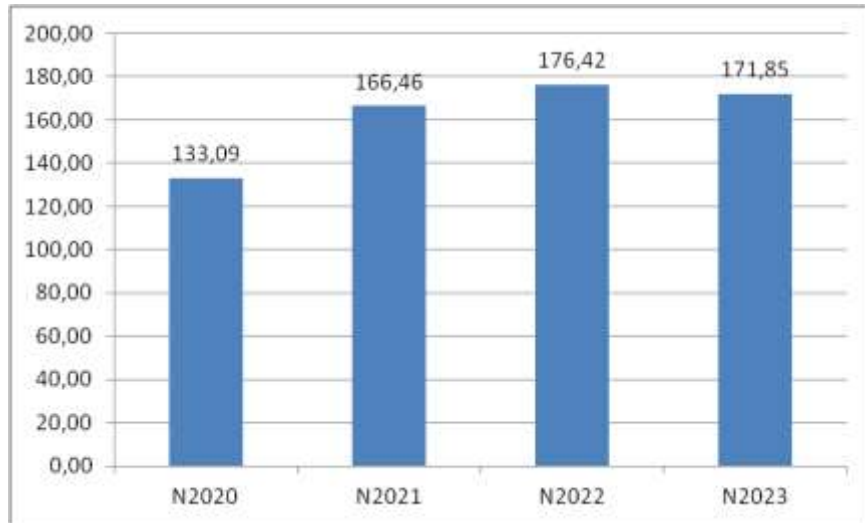
Tuy nhiên, quan hệ thương mại giữa hai nước cũng đối mặt với nhiều thách thức. Sự mất cân đối trong cán cân thương mại khi Việt Nam thường xuyên nhập siêu từ Trung Quốc là một vấn đề đáng chú ý, tạo áp lực lên cán cân thanh toán, đặt ra yêu cầu về việc gia tăng giá trị nội địa và giảm phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu.

Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan, trong năm 2023, Trung Quốc tiếp tục là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt trên 171 tỷ USD, giảm 2,59% so với năm 2022, chiếm tỷ trọng 25% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 61,2 tỷ USD, vẫn tăng 5,65% trong khi kim ngạch nhập khẩu đạt 110,64 tỷ USD, giảm 6,6% so

với năm trước. Đây được đánh giá là điểm sáng trong bức tranh xuất khẩu của cả nước trong bối cảnh kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn khiến hoạt động xuất khẩu sang hầu hết các thị trường chủ lực sụt giảm.

**Biểu đồ 1: Tổng kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam –Trung Quốc giai đoạn 2020-2023**

*Đơn vị tính: Tỷ USD*



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng đầu năm 2024, tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Trung Quốc cho thấy những thách thức đáng kể trong bối cảnh thương mại quốc tế biến động và nhu cầu thị trường thay đổi. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 55,06 tỷ USD, giảm nhẹ 1,12% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh sự sụt giảm trong một số mặt hàng chủ lực dù tổng thể vẫn duy trì mức giao thương cao.

Mặt hàng điện thoại và linh kiện tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu trong cơ cấu xuất khẩu, với kim ngạch lũy kế 11 tháng đạt 13,66 tỷ USD, chiếm gần 25% tổng kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc. Tuy nhiên, mức giảm mạnh 10,54% so với

cùng kỳ năm trước và sự sụt giảm sâu tới 43,83% trong riêng tháng 11/2024 cho thấy dấu hiệu giảm sút về nhu cầu hoặc áp lực cạnh tranh từ các nguồn cung khác.

Ngoài ra, xu hướng giảm 15,32% kim ngạch xuất khẩu trong tháng 11/2024 so với cùng kỳ năm trước đặt ra vấn đề về sự phụ thuộc lớn vào một vài nhóm hàng xuất khẩu chủ lực. Đồng thời nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết trong việc đa dạng hóa cơ cấu mặt hàng xuất khẩu và mở rộng sang các lĩnh vực tiềm năng như nông sản, thực phẩm chế biến, hoặc sản phẩm công nghệ cao.

Tuy nhiên, giảm nhẹ trong tổng kim ngạch xuất khẩu chỉ ở mức hơn 1% cho thấy Việt Nam vẫn duy trì được sự ổn định tương đối trong mối quan hệ thương mại với Trung Quốc, bất chấp các yếu tố bất lợi. Trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh cải tiến chất lượng sản phẩm, tìm kiếm cơ hội hợp tác mới, và tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại để nâng cao giá trị xuất khẩu sang thị trường quan trọng này.

**Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng của Việt Nam sang Trung Quốc trong 11 tháng năm 2024**

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 11/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 10/2024 (%)	So với Tháng 11/2023 (%)	11 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 11 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 11 Tháng 2024 (%)
Tổng	5.021,09	-7,6	-15,32	55.057,54	-1,12	100
Điện thoại các loại và linh kiện	1.115,16	-33,65	-43,83	13.658,61	-10,54	24,81
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1.104,81	35,89	23,17	11.106,26	-6,71	20,17
Hàng rau quả	235,78	-23,56	8,32	4.334,00	27,38	7,87
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	320,93	-18,57	-56,9	4.250,88	4,78	7,72

<b>Tên nhóm/mặt hàng</b>	<b>Tháng 11/2024 (Triệu USD)</b>	<b>So với Tháng 10/2024 (%)</b>	<b>So với Tháng 11/2023 (%)</b>	<b>11 Tháng 2024 (Triệu USD)</b>	<b>So với 11 Tháng 2023 (%)</b>	<b>Tỷ trọng 11 Tháng 2024 (%)</b>
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	301,61	0,25	15,28	3.061,66	10,13	5,56
Cao su	368,75	11,01	29,62	2.075,25	5,54	3,77
Xơ, sợi dệt các loại	181,34	-8,59	-2,54	1.952,10	-7,83	3,55
Gỗ và sản phẩm gỗ	157,17	-16,59	9,87	1.881,70	21,19	3,42
Giày dép các loại	188,19	46,99	-1,99	1.754,29	2,67	3,19
Hàng thủy sản	167,41	-14,9	62,97	1.574,70	26,39	2,86
Hàng hóa khác	82,56	-6,48	-24,75	1.211,50	-20,45	2,20
Hàng dệt, may	121,78	11,71	9,74	1.209,40	19,74	2,20
Sắt và các sản phẩm từ sắt	85,65	21,93	-31,25	958,66	-9,04	1,74
Dây điện và dây cáp điện	75,12	-11,19	0,98	791,40	-1,3	1,44
Hạt điều	95,43	27,32	19,98	687,84	14,38	1,25
Hóa chất	77,22	-6,82	43,05	670,63	62,14	1,22
Sản phẩm hóa chất	44,71	-4,61	7,08	493,39	24,58	0,90
Chất dẻo nguyên liệu	24,41	-59,42	-14,09	392,77	44,19	0,71
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	39,96	8,26	-8,08	376,57	-30,23	0,68
Phương tiện vận tải và phụ tùng	32,75	-11,73	-14,75	374,28	0,42	0,68
Kim loại thường khác và sản phẩm	42,19	31,77	9,92	359,49	-22,35	0,65
Giấy và các sản phẩm từ giấy	26,98	-1,48	-28,96	309,62	-28,98	0,56
Cà phê	14,28	19,53	4,62	200,48	58,33	0,36
Sản phẩm từ chất dẻo	21,60	9,35	15,53	197,94	20,43	0,36

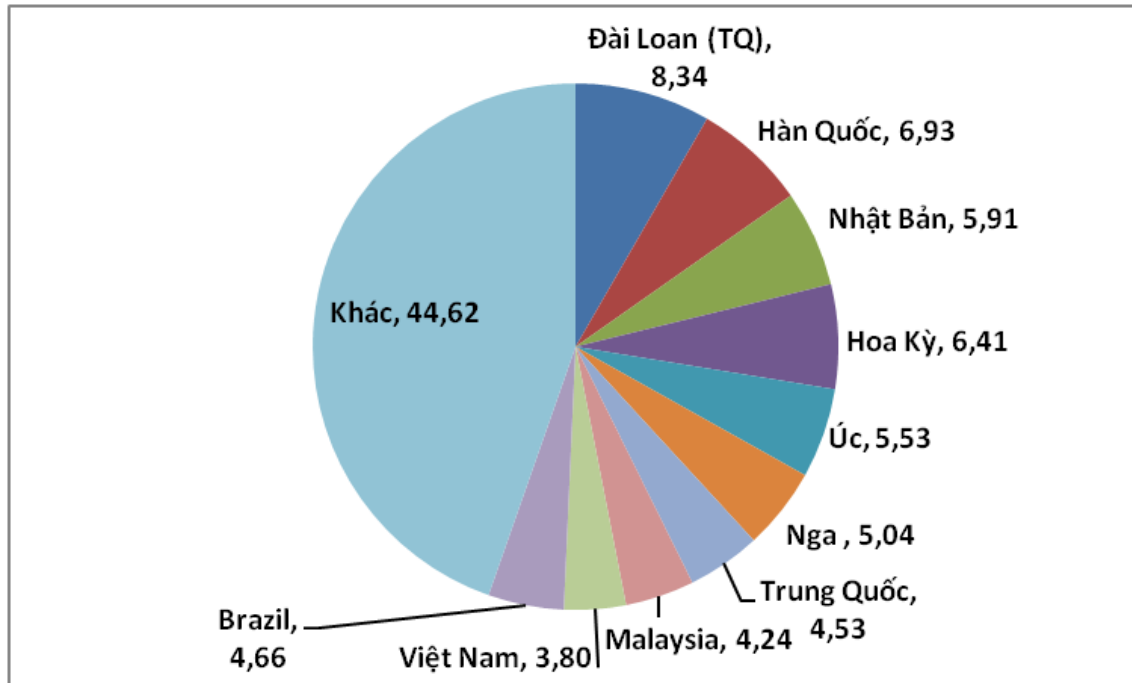
<b>Tên nhóm/mặt hàng</b>	<b>Tháng 11/2024 (Triệu USD)</b>	<b>So với Tháng 10/2024 (%)</b>	<b>So với Tháng 11/2023 (%)</b>	<b>11 Tháng 2024 (Triệu USD)</b>	<b>So với 11 Tháng 2023 (%)</b>	<b>Tỷ trọng 11 Tháng 2024 (%)</b>
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	18,12	-6,53	1,26	196,63	7,29	0,36
Xăng dầu các loại	10,24	-55,22	-50,4	162,62	-1,63	0,30
Gạo	5,40	1,73	-22,82	151,94	-70,65	0,28
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	15,95	9,04	13,98	140,27	4,49	0,25
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	13,54	-11,19	16,57	119,34	2,27	0,22
Quặng và khoáng sản khác	1,95	-45,32	-25,82	80,49	49,79	0,15
Sản phẩm từ sắt thép	7,33	-0,74	65,15	77,85	41,3	0,14
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	6,52	-2,28	21,63	65,15	3,62	0,12
Sản phẩm từ cao su	6,73	-13,99	5,72	64,26	-3,87	0,12
Vải màn, vải kỹ thuật khác	1,83	30,9	-24,64	20,82	7,14	0,04
Dầu thô	-			18,52	-24,52	0,03
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	2,84	116,84	103,98	17,90	3,56	0,03
Chè	1,06	-25,42	-40,41	17,42	85,23	0,03
Sản phẩm gốm, sứ	1,12	-29,03	-46,48	13,74	-19,93	0,02
Sắt thép các loại	1,03	23,07	14,49	9,30	14,39	0,02
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	0,91	-18,24	-19,79	8,77	-20,89	0,02
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	0,76	1,38	-3,24	7,50	9	0,01

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 11/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 10/2024 (%)	So với Tháng 11/2023 (%)	11 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 11 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 11 Tháng 2024 (%)
Clanhke và xi măng	-		-100	1,57	-95	0,00

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Biểu đồ 3: Các thị trường nhập khẩu hàng hóa lớn nhất của Trung Quốc trong 10 tháng 2024 (Việt Nam xếp thứ 9)**

*Đơn vị tính: %*



*Nguồn: Trademap.org*

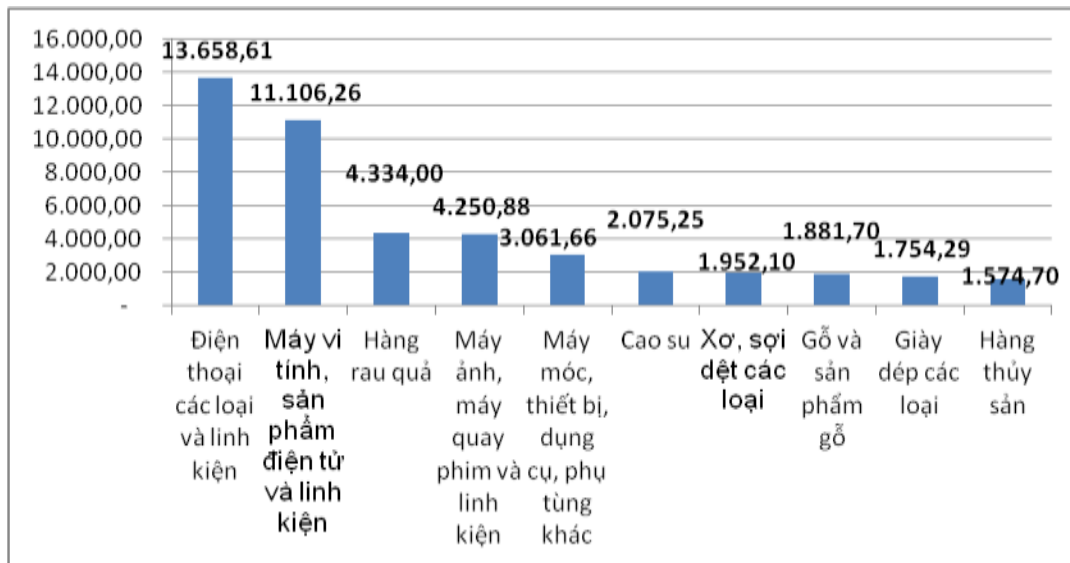
Trong 10 tháng đầu năm 2024, Việt Nam tiếp tục khẳng định vị trí là một trong những nguồn cung ứng hàng hóa quan trọng cho thị trường Trung Quốc, đạt kim ngạch nhập khẩu 81,37 tỷ USD, chiếm 3,80% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc từ thế giới. Với thứ hạng thứ 9, Việt Nam đã thể hiện năng lực cung ứng ổn định và đa dạng hóa các nhóm mặt hàng xuất khẩu, góp phần củng cố

vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy nhiên, so với các nguồn cung ứng hàng đầu như Đài Loan (Trung Quốc), Hàn Quốc, Nhật Bản, và Hoa Kỳ, Việt Nam vẫn còn dư địa lớn để cải thiện thị phần.

Đài Loan (Trung Quốc) giữ vị trí dẫn đầu nhờ lợi thế về công nghệ sản xuất tiên tiến, đặc biệt là trong lĩnh vực chất bán dẫn và linh kiện điện tử, hai mặt hàng có nhu cầu rất cao tại Trung Quốc. Tương tự, Hàn Quốc và Nhật Bản tận dụng mối quan hệ kinh tế chặt chẽ và ưu thế công nghệ để cung ứng các sản phẩm điện tử, cơ khí chính xác, và nguyên liệu công nghiệp. Hoa Kỳ, dù cách xa về mặt địa lý, vẫn duy trì thứ hạng cao nhờ các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao và năng lượng.

**Biểu đồ 4: Nhóm các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc trong 11 tháng 2024**

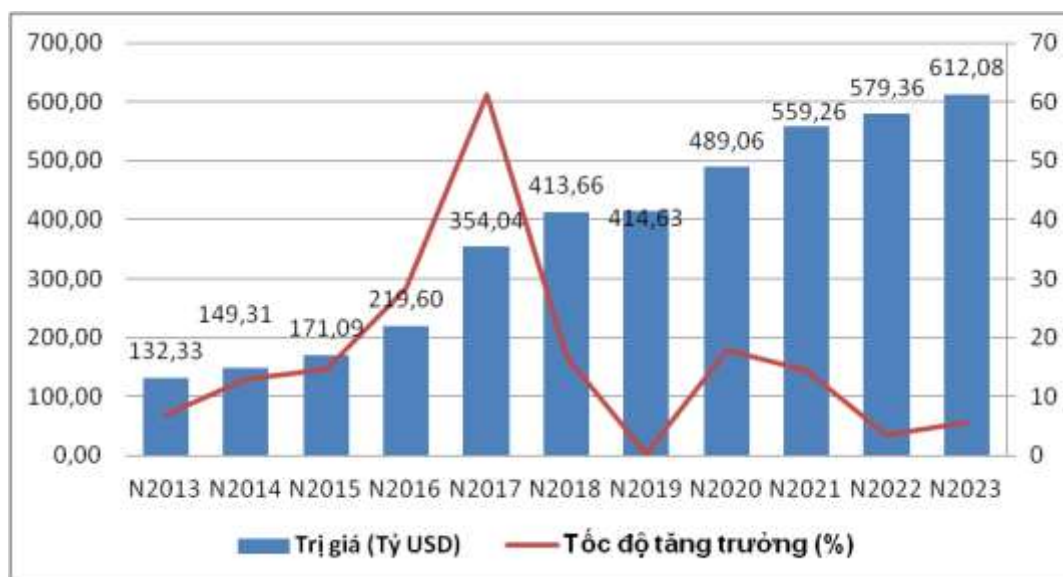
(ĐVT: Triệu USD)



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*



**Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc trong giai đoạn 2013 – 2023**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Ở chiều ngược lại, trong 11 tháng đầu năm 2024, tình hình nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Trung Quốc tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ, khẳng định vai trò của Trung Quốc như một đối tác cung cấp hàng hóa quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 130,51 tỷ USD, trong đó riêng tháng 11/2024 đạt 12,84 tỷ USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm trước.

Nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện nổi bật với kim ngạch nhập khẩu lũy kế 11 tháng đạt 31,54 tỷ USD, tăng đến 49,01% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ trọng 24,16% trong tổng kim ngạch nhập khẩu. Sự tăng trưởng này không chỉ thể hiện sự phụ thuộc lớn vào nguồn cung ứng từ Trung Quốc mà còn phản ánh nhu cầu ngày càng tăng về các thiết bị công nghệ cao để phục vụ sản xuất và tiêu dùng trong nước. Đặc biệt, mức tăng 28,31% của nhóm hàng này riêng trong tháng 11 cho thấy Việt Nam đang đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất công nghệ, trong đó Trung Quốc đóng vai trò là nguồn cung quan trọng.

**Bảng 2: Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng của Việt Nam từ Trung Quốc trong 11 tháng 2024**

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 11/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 10/2024 (%)	So với Tháng 11/2023 (%)	11 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 11 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 11 Tháng 2024 (%)
Tổng	12.837,13	0,86	16,2	130.514,86		100
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.971,46	6,77	28,31	31.535,08	49,01	24,16
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	2.716,05	8,11	24,47	26.116,65	28,79	20,01
Vải các loại	866,08	-2,22	12,01	9.095,00	19,91	6,97
Điện thoại các loại và linh kiện	851,40	-12,84	10,44	8.192,36	22,26	6,28
Sắt thép các loại	550,87	-46,04	-19,69	6.925,87	34,75	5,31
Hàng hóa khác	633,55	10,61	-1,38	6.289,90	18,83	4,82
Sản phẩm từ chất dẻo	478,29	10,88	24,14	4.599,27	25,06	3,52
Sản phẩm từ sắt thép	412,49	5,44	15,73	4.106,31	31,37	3,15
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	331,17	-2,31	16,78	3.502,23	24,17	2,68
Hóa chất	280,33	7,28	3,32	3.113,22	16,73	2,39
Chất dẻo nguyên liệu	310,97	17,51	41,54	2.853,02	42,88	2,19
Sản phẩm hóa chất	262,87	11,73	-13,63	2.763,49	-11,14	2,12
Kim loại thường khác	252,78	10,55	8,89	2.432,74	14,39	1,86
Sản phẩm từ kim loại thường khác	237,74	16,18	24,93	2.313,85	50,54	1,77
Dây điện và dây cáp điện	206,54	6,76	34,68	1.972,92	43,47	1,51
Xơ, sợi dệt các loại	154,33	0,48	26,64	1.589,80	31,05	1,22

Linh kiện, phụ tùng ô tô	145,24	-8,43	36,88	1.235,77	42,64	0,95
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	101,04	3,44	-4,03	1.068,40	15,45	0,82
Gỗ và sản phẩm gỗ	103,26	9,81	34,42	983,34	43,98	0,75
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	66,24	4,09	-34,66	905,53	-10,68	0,69
Hàng rau quả	98,72	0,94	18,95	893,93	23,74	0,68
Ô tô nguyên chiếc các loại	91,31	16,16	116,71	824,01	128,44	0,63
Xăng dầu các loại	51,68	-28,56	-33,85	821,14	0,92	0,63
Hàng điện gia dụng và linh kiện	85,36	5,02	13,93	798,14	22,52	0,61
Giấy các loại	70,61	3,37	-0,4	728,38	19,39	0,56
Phân bón các loại	85,16	19,87	7,41	673,48	12,18	0,52
Sản phẩm từ giấy	65,98	-4,66	22,45	650,11	31,78	0,50
Sản phẩm từ cao su	50,79	16,88	33,71	459,93	30,42	0,35
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	35,50	2,29	-8,32	391,66	4,4	0,30
Cao su	41,18	6,91	61,54	358,11	46,52	0,27
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	26,52	11,41	9,18	352,82	39,28	0,27
Nguyên phụ liệu dược phẩm	32,54	15,64	32,44	305,92	12,4	0,23
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	18,06	-3,42	22,04	297,05	94,1	0,23
Hàng thủy sản	26,74	33,3	32,92	243,01	23,33	0,19
Khí đốt hóa lỏng	16,28	-31,42	10,69	197,81	11,45	0,15
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	24,10	88,67	43,07	159,49	-7,23	0,12
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	20,38	11,88	74,88	147,90	44,43	0,11
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	18,32	23,7	61,28	140,07	46,26	0,11
Chế phẩm thực phẩm khác	13,06	17,94	34,71	124,25	11,33	0,10

Than các loại	3,84	-31,16	-74,98	103,55	10,77	0,08
Quặng và khoáng sản khác	8,36	-24,71	28,25	83,42	-35,74	0,06
Nguyên phụ liệu thuốc lá	7,55	83,23	68	55,48	57,61	0,04
Dược phẩm	5,97	27	1,92	50,80	29,91	0,04
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	4,17	-32,47	42,9	41,92	45,01	0,03
Dầu mỡ động, thực vật	2,23	62,82	29,99	16,96	14,36	0,01
Bông các loại				0,75	137,3	0,00

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## **II. Đẩy mạnh các hoạt động thúc đẩy xuất khẩu của nước ta sang thị trường Trung Quốc**

Để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp xuất khẩu cần triển khai đồng bộ nhiều biện pháp nhằm tận dụng tiềm năng của thị trường rộng lớn này và đáp ứng tốt các yêu cầu ngày càng cao về chất lượng và quy chuẩn. Trước hết, các cơ quan quản lý cần đóng vai trò định hướng chiến lược, thông qua việc thúc đẩy đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại song phương hoặc khu vực nhằm giảm rào cản thuế quan và phi thuế quan, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hàng hóa Việt Nam tiếp cận thị trường Trung Quốc. Đồng thời, cần tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế tại Trung Quốc, từ đó mở rộng mạng lưới khách hàng và đối tác tiềm năng.

Về phía doanh nghiệp, việc nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm, và yêu cầu kiểm dịch của Trung Quốc là yếu tố tiên quyết. Các doanh nghiệp cần đầu tư vào công nghệ sản xuất hiện đại, áp dụng các quy trình quản lý chất lượng quốc tế để đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe từ phía Trung Quốc. Bên cạnh đó, cần chú trọng

xây dựng thương hiệu cho hàng hóa Việt Nam, không chỉ nhằm nâng cao giá trị gia tăng mà còn tạo sự nhận diện và lòng tin từ người tiêu dùng Trung Quốc.

Ngoài ra, các doanh nghiệp cần nắm bắt và phân tích kỹ lưỡng thị hiếu tiêu dùng của từng khu vực trong Trung Quốc, bởi đây là một thị trường đa dạng với sự khác biệt lớn về văn hóa và thu nhập giữa các tỉnh thành. Việc nghiên cứu thị trường chi tiết sẽ giúp doanh nghiệp định hình chiến lược xuất khẩu phù hợp, từ lựa chọn sản phẩm đến chiến lược giá cả và phân phối. Đồng thời, tận dụng sự phát triển mạnh mẽ của các nền tảng thương mại điện tử tại Trung Quốc, chẳng hạn như Alibaba, JD.com, hay WeChat, sẽ giúp doanh nghiệp tiếp cận trực tiếp đến người tiêu dùng, đặc biệt trong bối cảnh xu hướng mua sắm trực tuyến ngày càng phổ biến.

Cuối cùng, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý và doanh nghiệp là yếu tố then chốt. Nhà nước cần cải cách hành chính, giảm thiểu các thủ tục không cần thiết trong xuất khẩu, đồng thời cung cấp thông tin kịp thời về các chính sách mới từ phía Trung Quốc. Về phía doanh nghiệp, cần chủ động tham gia vào các hiệp hội ngành hàng để tăng cường tiếng nói chung và tận dụng sự hỗ trợ từ các cơ quan chức năng. Với sự quyết tâm và hợp tác đồng bộ, Việt Nam hoàn toàn có thể nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Trung Quốc, đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng kinh tế bền vững.

Về định hướng phát triển thương mại hai nước trong thời gian tới: Vào ngày 13/10/2024, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã có cuộc hội đàm với Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Lý Cường. Trong khuôn khổ cuộc hội đàm, hai Thủ tướng bày tỏ vui mừng trước những kết quả quan trọng, đáng khích lệ trong quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa hai nước thời gian qua.

Về hợp tác trong thời gian tới, Thủ tướng Phạm Minh Chính đề nghị hai bên đẩy nhanh hoàn tất thủ tục để sớm mở Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Trùng Khánh, thúc đẩy hơn nữa hợp tác thương mại, tiếp tục mở cửa thị trường cho nông sản chất lượng cao của Việt Nam như hoa quả có múi, bưởi, bơ, na, roi, dược liệu đông y có nguồn gốc thực vật, thịt trâu, thịt bò, thịt lợn, sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tôm hùm bông nuôi trồng của Việt Nam. Đồng thời tạo điều kiện để Việt Nam thành lập Văn phòng Xúc tiến thương mại tại Hải Khẩu và thành lập các Văn phòng Xúc tiến thương mại tại Thành Đô (Tứ Xuyên), Nam Kinh (Giang Tô) trong thời gian tới; nâng cao hiệu suất thông quan tại các cửa khẩu, thúc đẩy nâng cấp “kết nối mềm” về hải quan thông minh; tích cực phối hợp nghiên cứu, đề xuất các mô hình mới để triển khai hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc.